

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Để triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, UBND tỉnh Nghệ An ban hành kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị quyết số 122/NQ-CP).

2. Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ làm căn cứ để các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và đơn vị liên quan tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP.

3. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP.

4. Góp phần phân đầu thực hiện các mục tiêu quốc gia đến năm 2030 đề ra tại Nghị quyết số 122/NQ-CP, gồm có:

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội; thực hiện các giải pháp thông minh để thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu; chủ động ứng phó, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, trong đó



tập trung bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khi bão, lũ xảy ra; bảo đảm 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn.

- Kiểm soát mức phát thải khí nhà kính tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia giảm 15,8% so với kịch bản phát triển thông thường (BAU); đạt mức tiết kiệm năng lượng khoảng 7-10% trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với BAU. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15- 20%.

b) Về quản lý tài nguyên

- Tiếp tục điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng: hoàn thành 85% diện tích lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền; hoàn thành điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản tại các cấu trúc có triển vọng ở các khu vực Bắc Trung Bộ, Đông Bắc Bắc Bộ; tối thiểu 50% diện tích vùng biển Việt Nam được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỷ lệ bản đồ từ 1:500.000 và điều tra tỷ lệ lớn ở một số vùng trọng điểm.

- Quy hoạch, quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên quốc gia, trong đó tập trung: kiểm soát cơ bản 90% các hoạt động khai thác, sử dụng nước; nâng cao hiệu quả, năng lực khai thác, sử dụng nước và giảm tối đa thất thoát nước trong hệ thống các công trình thủy lợi; giảm tỷ lệ thất thoát nước trong hoạt động cấp nước xuống 10%; khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước vào mùa khô ở các lưu vực sông, các vùng khó tiếp cận nguồn nước, vùng sâu, vùng xa và các đảo. Bảo đảm nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; giữ ổn định 3,5 triệu ha đất trồng lúa của cả nước (trong đó tỉnh Nghệ An chiếm 88.087 ha đất trồng lúa nước (phụ lục 27 Quyết định số 326/QĐ-CP ngày 9/3/2022 của Chính phủ).

c) Về bảo vệ môi trường

- Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường phần đầu đạt 100%; trên 50% nước thải sinh hoạt tại các đô thị loại II trở lên được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, tiến hành đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý đảm bảo Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tỷ lệ 97%, giảm thiểu 75% rác thải nhựa trên biển và đại dương; 99% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- 100% diện tích các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng được xử lý, cải tạo và phục hồi; hoàn thành xử lý triệt để 100% các điểm nóng và các khu bị ô nhiễm chất độc hóa học/dioxin sau chiến tranh ở Việt Nam; nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư; 80% hộ gia đình

nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn; 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

- Duy trì độ che phủ rừng cả nước ổn định ở mức 42-43% (trong đó Nghệ An ổn định ở mức 58%); diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn đạt 9% diện tích lãnh thổ đất liền cả nước (trong đó tại Nghệ An đạt 10% diện tích lãnh thổ đất liền của tỉnh); 70% khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được đánh giá hiệu quả quản lý; phục hồi được ít nhất 20% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái.

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, thúc đẩy các hành động có trách nhiệm của toàn xã hội theo hướng chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, quản lý hiệu quả chất thải rắn, giảm thiểu rác thải nhựa hướng đến đạt được mục tiêu phát triển bền vững và trung hoà các-bon. Tham gia các khoá đào tạo và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đơn vị thực hiện: các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

- Chú trọng giáo dục sớm cho thế hệ trẻ từ bậc tiểu học về nhận thức, ý thức giữ gìn bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

Đơn vị thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

- Phát huy vai trò trung tâm, chủ thể của doanh nghiệp, người dân trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường dựa trên chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng vai trò phản biện, giám sát của các tổ chức chính trị-xã hội và cộng đồng dân cư trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đơn vị thực hiện: các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã; Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

- Thay đổi tư duy và nhận thức, coi thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" là thách thức, đồng thời cũng là cơ hội để phát triển bền vững, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập sâu rộng, thực chất.

Đơn vị thực hiện: các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

- Phổ biến, thông tin về các yêu cầu, các thực hành tốt, mô hình tiên tiến về chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường góp phần chủ động tham gia chuỗi giá trị xanh toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Đơn vị thực hiện: các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo hướng hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới. Xây dựng, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Địa chất và Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Lâm nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

- Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, phòng, chống tội phạm trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nâng cao vai trò phản biện, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và cộng đồng dân cư trong quá trình xây dựng, ban hành và thực thi chính sách pháp luật; chú trọng giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh; Thanh tra tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

3. Thực hiện chuyển đổi xanh, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030. Triển khai thực hiện chính sách, quy định mua sắm công xanh, chỉ tiêu công xanh, nhãn sinh thái ở địa phương. Tập trung nguồn lực giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường,

suy giảm các hệ sinh thái tự nhiên, các thách thức trong thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

Đơn vị thực hiện: Sở Tài chính chủ trì; phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

- Thực hiện hiệu quả chuyển đổi năng lượng công bằng; từng bước hạn chế nhiên liệu hóa thạch, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng mới hướng tới bảo đảm an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, giảm ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình kinh tế xanh, đô thị, nông thôn xanh; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững.

Đơn vị thực hiện: Sở Công Thương chủ trì; phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch thực hiện kinh tế tuần hoàn của tỉnh gắn với quá trình chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực. Nghiên cứu, đánh giá việc khai thác, sử dụng vật liệu trong toàn bộ nền kinh tế, từng ngành, lĩnh vực để xây dựng các chính sách phù hợp nhằm thực hiện hiệu quả kinh tế tuần hoàn. Thực hiện hiệu quả, thực chất Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, phát thải thấp, tuần hoàn; sản xuất, phân phối và tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn; giảm tình trạng thất thoát và lãng phí lương thực, thực phẩm. Xây dựng, hoàn thiện, vận hành, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

- Triển khai các giải pháp chuyển đổi số sâu, rộng góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh.

Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì; phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

4. Hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng ngừa, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai

a) Về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

- *Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ sau:*

+ Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai có nguồn gốc từ khí tượng thủy văn; xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, hệ thống quan trắc tai biến địa chất, hệ thống giám sát bờ sông, bờ biển bằng công nghệ viễn thám, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại.

+ Ưu tiên phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng phòng, chống thiên tai. Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Điều tra, đánh giá, di dời và tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao gắn với các giải pháp bảo đảm sinh kế bền vững. Chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét tại khu vực miền núi, trung du.

+ Huy động và dự trữ nguồn lực để khắc phục, tái thiết cho các khu vực, hộ gia đình bị ảnh hưởng do thiên tai, biến đổi khí hậu. Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thu và chi Quỹ phòng, chống thiên tai ở các cấp.

- *Sở Xây dựng; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030. Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp giảm tình trạng ngập lụt đô thị trong bối cảnh biến đổi khí hậu; làm mát đô thị theo hướng thuận thiên, thân thiện với hệ thống khí hậu.*

b) Về giảm phát thải khí nhà kính

- *Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã triển khai hiệu quả kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng; tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đặc biệt về phát triển hạ tầng truyền tải điện thông minh, tăng tỷ trọng điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, triển khai áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến về lưu trữ năng lượng. Thực hiện thành công Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030.*

- *Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải; kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực giao thông vận tải đến năm 2030; xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050, từng bước thay thế nguyên vật liệu gây phát thải khí nhà kính; từng bước giảm, thay thế sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất.*

- *Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh* thực hiện các nhiệm vụ:

+ Tiếp nhận, rà soát và tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn quản lý gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường; hoàn thiện cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê và đo đạc, báo cáo, thẩm định hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành và lĩnh vực. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính.

+ Thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành nông nghiệp.

+ Tiếp tục thực hiện các hoạt động bảo vệ, phục hồi và duy trì các bể hấp thụ khí nhà kính tự nhiên. Thực hiện Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng (REDD+); bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030.

+ Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải, bao gồm bãi chôn lấp chất thải rắn, xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học, thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải, xử lý và xả thải nước thải.

+ Thực hiện tốt cam kết giảm phát thải khí mê-tan toàn cầu, cam kết quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn và làm mát bền vững; quản lý hiệu quả các chất và sản phẩm, thiết bị có chứa chất làm suy giảm tầng ô-dôn và chất gây hiệu ứng nhà kính.

5. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý về tài nguyên, đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên: *Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì; phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ sau:*

a) Đối với tài nguyên đất

- Điều tra, đánh giá đất đai trên phạm vi toàn tỉnh, đặc biệt là đất chưa sử dụng; thực hiện các biện pháp khuyến khích khai hoang, phục hóa, lấn biển, ứng dụng công nghệ mới trong điều tra, giám sát xâm nhập mặn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng để quản lý, sử dụng đất bền vững.

- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An 5 năm giai đoạn 2021-2025; tổ chức rà soát, điều chỉnh và triển khai hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An 5 năm giai đoạn 2026-2030.

- Đánh giá tình hình sử dụng đất ở tại các khu dân cư, khu đô thị mới, tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản công khai, minh bạch và hiệu quả. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất được khai hoang, phục hóa, lấn biển.

- Phối hợp xây dựng và vận hành hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

b) Đối với tài nguyên nước

- Hoàn thiện, đổi mới thể chế, chính sách, cơ chế tài chính ngành nước theo hướng quản trị thông minh; thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển, điều chỉnh nhu cầu sử dụng nước.

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chủ động nguồn nước cấp cho các mục đích sinh hoạt và sản xuất.

- Phối hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, chuyển đổi số trong điều hoà, phân phối, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

c) Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trên đất liền, dưới biển. Rà soát, khoanh định các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; kiểm tra các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ để khoanh định, công bố, làm cơ sở để lập phương án quy hoạch khoáng sản cấp tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Điều tra, đánh giá trữ lượng và áp dụng các giải pháp khai thác phù hợp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp vật liệu xây dựng thông thường cho xây dựng hạ tầng đường bộ.

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông, bờ biển; thúc đẩy khai thác gắn với chế biến sâu các loại khoáng sản chiến lược. Thực hiện hiệu quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Xuất khẩu khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến; không xuất khẩu các loại khoáng sản quan trọng, có ý nghĩa chiến lược.

d) Đối với tài nguyên biển

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên biển. Thực hiện điều tra, đánh giá, kiểm kê nguồn vốn tự nhiên, đặc biệt là nguồn lợi hải sản, tại các vùng biển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế biển xanh.

- Khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản; triển khai hiệu quả Chương trình hành động và Kế hoạch của Chính phủ triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh

đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) và phát triển bền vững ngành thủy sản.

đ) Đối với tài nguyên rừng

- Tiếp tục đẩy mạnh việc trao quyền quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng, hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; thực hiện việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Xây dựng các mô hình chia sẻ lợi ích công bằng trong quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để thúc đẩy sự tham gia của các cộng đồng địa phương; thúc đẩy cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

6. Tập trung, ưu tiên nguồn lực để giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- *Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã căn cứ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, tham mưu UBND tỉnh tập trung, ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công như:*

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các đô thị.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp không có chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng theo quy định.

+ Cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khu vực bị ô nhiễm do hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và chất độc tồn lưu do chiến tranh để lại.

+ Xây dựng, nâng cấp các công trình trữ nước sử dụng cho mùa khô ở một số khu vực còn thiếu nước; đầu tư xây dựng các nhà máy, hệ thống cung cấp nước sạch ở khu vực nông thôn, xử lý nước mặn thành nước ngọt phục vụ sinh hoạt của nhân dân...

- *Sở Xây dựng; các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã tham mưu thực hiện các nhiệm vụ sau:*

+ Tăng diện tích cây xanh, mặt nước, tăng cường vệ sinh môi trường đô thị.

+ Có biện pháp giảm thiểu, kiểm soát chặt chẽ chất lượng khí thải của các phương tiện giao thông cơ giới; phát triển hệ thống giao thông công cộng, các phương tiện thân thiện môi trường.

+ Phối hợp kêu gọi các nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng các nhà máy, hệ thống cung cấp nước sạch ở khu vực đô thị.

- *Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ sau:*

+ Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động tái chế, biến chất thải thành nguyên, nhiên liệu, tăng cường thu hồi năng lượng (ưu tiên đối với công nghệ phát điện sinh khối, đồng xử lý chất thải); giảm dần tỷ lệ chôn lấp chất thải.

+ Khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.

+ Giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa gây ra. Khuyến khích thay thế các sản phẩm bao bì nhựa, túi nilông khó phân hủy bằng các vật liệu thân thiện môi trường, dễ phân hủy sinh học.

+ Tăng cường các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm khí thải, bụi từ hoạt động xây dựng, phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, các cơ sở công nghiệp phát sinh khí thải lớn. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí của tỉnh.

+ Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển; mở rộng, tăng số lượng, diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, đồng thời có biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên. Triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài di cư. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra trong Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050; Kế hoạch số 892/KH-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

+ Tổ chức thực hiện quan trắc môi trường theo Chương trình quan trắc mạng. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh đồng bộ với cấp trung ương.

- *UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ sau:*

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các làng nghề.

+ Xây dựng và triển khai các dự án cải tạo, phục hồi các hồ ao, các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng.

+ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

+ Tổ chức thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý hiệu quả chất thải nhựa nhằm ngăn chặn chất thải nhựa từ đất liền ra biển.

+ Tăng cường các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm khí thải, bụi từ hoạt động xây dựng, phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, đốt rơm rạ và phụ phẩm nông nghiệp.

7. Trách nhiệm thực hiện nội dung tại Danh mục các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu ban hành kèm theo Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ trình bày tại phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai Kế hoạch này; kịp thời xây dựng hoặc điều chỉnh các kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, đảm bảo thực hiện hiệu quả cao nhất; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ gửi Sở Tài chính để chủ trì, tổng hợp trình UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí cho các cơ quan để thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này các đơn vị trên địa bàn tỉnh; chủ trì và phối hợp với đơn vị liên quan báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã khẩn trương tổ chức thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để được xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận: /

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường, | (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh,
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN (TP, B. Thắng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT
SỐ 122/NQ-CP NGÀY 08/5/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT				
1	Xây dựng chương trình tăng cường năng lực phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Chương trình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu xử lý chất thải tập trung cấp tỉnh	Chương trình/Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
3	Cải tạo, phục hồi môi trường các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa	Chương trình/Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
4	Xây dựng và nâng cấp trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí tại đô thị loại I	Chương trình/Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
II	NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN MỞ MỚI				
1	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị từ loại V trở lên đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải.	Dự án đầu tư	Sở Xây dựng	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
2	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại:				



STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2.1	Các khu công nghiệp	Dự án đầu tư	Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
2.2	Các cụm công nghiệp	Dự án đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
3.3	Các làng nghề	Dự án đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
4	Xây dựng các dự án cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương, khôi phục các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng	Dự án đầu tư	Sở Xây dựng	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
5	Cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khu vực bị ô nhiễm do hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật	Dự án đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
6	Xây dựng và triển khai Chương trình hạn chế sử dụng nhựa một lần, túi nilon khó phân hủy tại các siêu thị, chợ, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, khu vui chơi, giải trí	Chương trình	Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 - 2030
7	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	Chương trình/ nhiệm vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành và UBND cấp xã	2025 -2026